

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUYỀN MỘC  
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**  
Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 17 - 6 - 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bành Thị Thu Hà  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Nga  
Bà Đoàn Thị Mến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyền Mộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyền Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đình Rư- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyền Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Phan Tr, sinh năm: 1997 (có mặt)  
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Y
2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 1991 (vắng mặt)  
HKTT: Ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Y.  
Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Y

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 03 - 11 - 2021, bản khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn Ông Lê Phan Tr trình bày:***

- Về hôn nhân: Ông Lê Phan Tr và bà Nguyễn Thị Thùy D chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2020, đến ngày 08/12/2020 mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Y. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, ông Tr và bà D sống chung tại nhà ông

Tr được một thời gian ngắn thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã gây gổ nhau, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại giải quyết mâu thuẫn cho nhau cơ hội hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành. Hiện nay ông Tr và bà D vẫn còn chung sống với nhau nữa, nhưng không còn quan hệ gì nữa về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, ông Tr yêu cầu ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông Lê Phan Tr và bà Nguyễn Thị Thùy D có 01 con chung tên là Lê Ngọc K, sinh ngày: 18/9/2020, nếu ly hôn ông Tr đồng ý nuôi dưỡng con chung và yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tr và bà D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày như sau:**

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D và Ông Lê Phan Tr chung sống với nhau từ đầu năm 2020 nhưng đến tháng 12/2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình.

Sau khi kết hôn với nhau, bà D và ông Tr chung sống đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Tr nhiều lần đánh đập bà D, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm, ông Tr thừa nhận với bà D có người phụ nữ khác, bà D cảm thấy ông Tr không còn yêu thương bà D nữa. Hiện nay vợ chồng còn chung sống với nhau trong một gia đình, ông Tr không còn đưa tiền về cho bà D nuôi con, chăm lo trong gia đình. Ông Tr yêu cầu ly hôn với bà D, bà D không đồng ý

Về con chung: Bà D và ông Tr có 01 con chung là Lê Ngọc K, sinh ngày: 18/9/2020, nếu ly hôn bà D đồng ý giao cháu K cho ông Tr nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Ông Lê Phan Tr tuân thủ các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; bà Nguyễn Thị Thùy D không tuân thủ các quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS. Ông Tr có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ. Bà D được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông Tr và bà D theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ông Lê Phan Tr được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D. Về con chung, giao con chung là Lê Ngọc K, sinh ngày: 18/9/2020, cho Ông Lê Phan Tr nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; bà D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung, Ông Lê Phan Tr và bà Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Ông Lê Phan Tr chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Thùy D không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Phan Tr có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ, bà Nguyễn Thị Thùy D được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr, bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về thẩm quyền:** Xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định được quan hệ pháp luật là ly hôn và tranh chấp về nuôi dưỡng con chung; bị đơn cư trú tại huyện Xuyên Mộc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[3] Về nội dung vụ án:**

- Về hôn nhân: Ông Lê Phan Tr và bà Nguyễn Thị Thùy D đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân, huyện Xuyên Mộc, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Tr và bà D là hợp pháp.

Quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn theo ông Tr do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Còn theo bà D nguyên nhân do ông Tr không lo làm ăn, vun

vén cho gia đình mà ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2021 đến nay ông Tr và bà D sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau.

Qua xác minh, chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Tr và bà D vì khi xảy ra mâu thuẫn không ai trình báo.

Xét thấy, ông Tr và bà D đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Do vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông Tr và bà D đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Lê Phan Tr đối với bà Nguyễn Thị Thùy D.

- Về con chung: Ông Lê Phan Tr và bà Nguyễn Thị Thùy D có 01 con chung là Lê Ngọc K, sinh ngày: 18/9/2020. Ông Tr yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay ông Tr và bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định, bà D đồng ý giao con chung cho ông Tr nuôi dưỡng. Do vậy cần giao con chung cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về yêu cầu cấp dưỡng:* Ông Tr yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Bà D đồng ý theo yêu cầu của ông Tr. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Tr và bà D. Bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng đến khi con chung trưởng thành. Cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8/2022.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Phan Tr và bà Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về án phí:** Ông Lê Phan Tr phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Thùy D phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Phan Tr.

Ông Lê Phan Tr được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D.

2. *Về con chung*: Ông Lê Phan Tr và bà Nguyễn Thị Thùy D có 01 con chung là Lê Ngọc K, sinh ngày: 18/9/2020. Giao con chung cho Ông Lê Phan Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Thùy D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng đến tuổi trưởng thành, cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8/2022.

*Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Ông Lê Phan Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Tr đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00010775 ngày 21/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Ông Tr đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Thùy D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

5. *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Bành Thị Thu Hà**